

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 8 – 2023.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập, ông Bùi Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/8/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05/04/2023. Về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/7/2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mai K, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số 90 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHTT: Số 185/23 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Mai K và ông Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ con nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện ông H đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Nguyễn Đức H.

Về con chung: Bà K và ông H có 04 con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Trần Thảo K, sinh ngày 13/4/2014; Nguyễn Huy K, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 19/3/2019. Hiện các cháu do bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của bà K được nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ghi ngày 26/7/2023, ông Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H thống nhất với nội dung trình bày của bà Trần Thị Mai K. Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà K thường xuyên mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông H đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột nên ông đồng ý ly hôn đối với bà K.

Về con chung: Ông H và bà K có 04 con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Trần Thảo K, sinh ngày 13/4/2014; Nguyễn Huy K, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 19/3/2019, hiện các cháu do bà K nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “Ly hôn và con chung”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Mai K và ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà K xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H; ông H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột và đồng ý ly hôn đối với bà K. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Mai K và ông Nguyễn Đức H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Mai K và ông Nguyễn Đức H có 04 con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Trần Thảo K, sinh ngày 13/4/2014; Nguyễn Huy K, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 19/3/2019, bà K và ông H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đối với cháu H, cháu K và cháu T quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ là bà Trần Thị Mai K. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cháu, các cháu hiện chưa thành niên và hiện nay các cháu cùng đang ở với bà K, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao các cháu cho bà K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của bà K cũng như nguyện vọng của các cháu. Đối với cháu Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 19/3/2019 cháu T từ nhỏ đến nay đang ở với bà K, khi ly hôn thì bà K có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu nên cần giao cháu T cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp

Đồng thời, ông Nguyễn Đức H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nên cần giao các Nguyễn Bảo H; Nguyễn Trần Thảo K; Nguyễn Huy K và Nguyễn Trần Phúc T cho bà Trần Thị Mai K trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mai K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mai K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mai K được ly hôn đối với ông Nguyễn Đức H.

Về con chung: Giao 04 con chung, các cháu tên là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/7/2009; Nguyễn Trần Thảo K, sinh ngày 13/4/2014; Nguyễn Huy K, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Nguyễn Trần Phúc T, sinh ngày 19/3/2019 cho bà Trần Thị Mai K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mai K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0001607, ngày 27/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng